

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1995 (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (ấp A, xã Đ, thành phố Cần Thơ)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp K, thị trấn N, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (ấp K, xã C, thành phố Cần Thơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 13/11/2024. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được. Nay chị M yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 16/9/2024. Chị M yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thanh P chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2024 nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị M thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Toà án đã triệu tập họp lệ cho bị đơn, nhưng anh P vẫn không đến Toà án. Điều đó cho thấy anh P đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh. Từ những nhận định trên cho thấy chị M, anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị M và anh Ph có 01 người con chung tên Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 16/9/2024. Chị M có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu Đ dưới 03 tuổi và chị M có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu cấp dưỡng nên anh P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Vì vậy anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng tương đương một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối

cao. Lương tối thiểu vùng tại nơi anh P cư trú là 3.860.000 đồng, nên anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.930.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng.

[6] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thanh P được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phong Đ, sinh ngày 16/9/2024 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Thanh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.930.000 đồng cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã đóng theo biên

lai số 0003646 ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị M đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- THA dân sự Tp. Cần Thơ;
- UBND xã Đ,
- Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh